TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2019/DS-ST.
Ngày 25 - 01 - 2019
V/v "Tranh chấp Hợp đồng hợp tác".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Phụng.

Ông Võ Quốc Hưng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2018/TLST- DS, ngày 07 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp Hợp đồng hợp tác" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Lê Văn Nh, sinh năm: 1965. Cư trú tại: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

* *Bị đơn*: Nguyễn Thị B, sinh năm: 1944. Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1969. Cư trú tại: đường L, khóm 4, phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 8 năm 2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn ông Lê Văn Nh trình bày:

Vào ngày 10/7/2016 (ÂL), ông Lê Văn Nh có hợp đồng với ông Nguyễn Thanh H con trai ruột của bà Nguyễn Thị B nuôi cá chép giòn, theo hợp đồng

ông H mượn ao của bà Búp, ông H ra tiền mua cá giống, thức ăn cho cá, ông Nh ra công trông ao cá, cho cá ăn, khi thu hoạch cá thì chia cho ông Nh 20%, trên tổng số lợi nhuận sau khi trừ đi các khoản chi phí nuôi cá. Hợp đồng bằng lời nói, không có lập thành văn bản. Sau khi hợp đồng thì ông H mua 6.000 con cá chép giòn thả vào ao (02 ao mỗi ao 3.000 con cá) và mua thức ăn cho cá, ông Nh đến trông ao cá, cho cá ăn. Đến ngày 11/8/2017 (AL) thì ông H nói với ông Nh, ông H không còn khả năng (tiền) để mua thức ăn cho cá, nên ông H nói với ông Nh là "Tôi cho anh bắt 3.000 con cá chép giòn mang đi, anh mang đi đâu thì mang đi chứ không được để trong ao cá". Lúc này bà B là mẹ ruột ông H nói với ông Nh là trong thời gian 07 ngày ông Nh phải bắt cá mang đi khỏi ao. Do ông Nh không có ao để thả cá, nên có yêu cầu bà B cho ông Nh thời hạn 20 ngày ông Nh mới bắt được cá, nhưng bà B không đồng ý, bà B yêu cầu ông Nh phải rời khỏi chòi nuôi cá, không cho ông Nh tiếp tục ở lại chòi nuôi cá. Lúc đó giữa các bên không có kéo cá trong ao lên để kiểm tra xem cá còn bao nhiêu con mà ông Nh gửi đơn khởi kiện bà B đến Tổ hòa giải ấp A. Sau đó, ông Nh bỏ đi, khoảng 04 tháng ông Nh quay lại để bắt cá thì bà B có nói với ông Nh là "Chú bắt cá lên đi còn bao nhiêu tôi với chú chia hai", nhưng ông Nh không bắt cá mà tiếp tục gửi đơn khởi kiện yêu cầu bà B phải bồi thường cho ông Nh số tiền là 60.000.000 đồng (trị giá 3.000 con cá chép giòn: 3.000 con cá x 20.000 đồng /01 con = 60.000.000 đồng) vì lý do bà B không cho ông Nh tiếp tục ở lại ao giữ cá, nên ông Nh bỏ đi, sau khi ông Nh bỏ đi đến khi ông Nh quay trở lại thì nghe người ta nói bà B bắt cá trong ao mang đi bán hết rồi, nên cá trong ao không còn.

Theo đơn khởi kiện thì ông Nh yêu cầu bà Nguyễn Thị Bvà ông Nguyễn Thanh H phải cùng có trách nhiệm bồi thường cho ông Nh số tiền 60.000.000 đồng (trị giá 3.000 con cá x 20.000 đồng/01 con = 60.000.000 đồng). Nay ông Nh xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bà B phải bồi thường cho ông Nh số tiền 60.000.000 đồng (trị giá 3.000 con cá x 20.000 đồng/01 con = 60.000.000 đồng).

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 11 năm 2018 bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Thời gian thì bà B không nhớ, nhưng bà B biết việc hợp đồng nuôi cá giữa ông H và ông Nh, theo hợp đồng ông H mượn ao của bà B, ông H ra tiền mua cá giống, thức ăn cho cá, ông Nh ra công trông giữ ao cá, cho cá ăn, khi thu hoạch cá thì chia cho ông Nh 20%, trên tổng số lợi nhuận sau khi trừ đi các khoản chi phí nuôi cá. Sau khi nuôi cá được một thời gian thì ông H nói với ông Nh là ông H không còn khả năng mua thức ăn cho cá nữa, ông H và ông Nh chia làm hai số lượng cá trong ao, ông Nh bắt 3.000 con cá chép giòn mang đi, ông Nh yêu cầu ông H phải viết biên nhận cho ông Nh bắt cá thì ông Nh mới bắt cá mang đi, nên ông H có viết giấy cho ông Nh có nội dung là đồng ý cho ông Nh bắt 3.000 con cá chép giòn. Ông Nh nói với bà B là ông Nh sẽ giữ cá lại trong ao, 3.000 con cá còn lại của ông H thì yêu cầu bà B bắt cá mang đi. Bà B nói với ông Nh "Ao cá là đất của tôi, cậu kêu tôi mang cá đi đâu", bà B yêu cầu ông Nh trong thời gian 10 ngày phải bắt cá mang đi khỏi ao, nhưng ông Nh yêu cầu bà B cho ông Nh thời hạn là 20 ngày ông Nh sẽ đến bắt cá mang đi, nhưng

20 ngày sau ông Nh không đến bắt cá mà khoảng 05 tháng sau ông Nh quay lại yêu cầu bà B cho bắt cá mang đi, nên bà B có nói với ông Nh là "Chú cứ khai ao cá ra đi còn bao nhiêu tôi với chú chia hai", ông Nh không đồng ý mà làm đơn khởi kiện bà B đến tổ hòa giải ấp A. Sau đó, bà B có nhờ bà con láng giềng đến khai ao cá thì thu được khoảng 30 con cá chép giòn, bà B mang cá thả sang 01 ao khác, nếu ông Nh đến bắt cá thì bà B sẽ cho ông Nh bắt cá mang đi. Bà B không đồng ý bồi thường cho ông Nh số tiền là 60.000.000 đồng (trị giá 3.000 con cá chép giòn: 3.000 con cá x 20.000 đồng /01 con = 60.000.000 đồng).

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 01 năm 2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh H trình bày: Ngày, tháng, năm thì ông H không Nhớ, nhưng ông H thừa nhận là giữa ông H và ông Nh có hợp đồng nuôi cá chép giòn, theo hợp đồng ông H mượn ao của bà B thả cá, ông H ra tiền mua cá giống, thức ăn cho cá, ông Nh ra công trông ao cá, cho cá ăn, khi thu hoạch cá thì chia cho ông Nh 20%, trên tổng số lợi nhuận sau khi trừ đi các khoản chi phí nuôi cá. Hợp đồng bằng lời nói, không có lập thành văn bản. Sau khi hợp đồng thì ông H mua 6.000 con cá chép giòn (cá giống) thả vào ao và thức ăn cho cá, ông Nh đến chăm nom ao cá. Sau khi nuôi cá được 01 thời gian thì giữa bà B và ông Nh xảy ra tranh chấp, lý do là bà B kêu ông Nh dỡ cây cầu cho xe vào cuốc đất, nhưng ông Nh không dỡ, nên ông Nh nói với ông H là tôi không tiếp tục hùn nuôi cá với ông H nữa và yêu cầu ông H chia cá cho ông Nh mang đi, lúc này ông H cũng đồng ý chia cá cho ông Nh khi chia cá thì có làm giấy đồng ý cho ông Nh mang đi 3.000 con cá chép giòn (không có kéo cá lên kiểm điếm), ông H yêu cầu ông Nh trong thời gian 07 ngày, ông Nh phải bắt cá mang ra khỏi ao, ông Nh đề nghị với ông H là cho ông Nh thêm thời gian là 07 ngày nữa, ông H cũng đồng ý, nhưng sau đó ông Nh có đến bắt cá hay không thì ông H không biết vì lúc đó ông H đã bỏ đi.

Ông H không đồng ý với yêu cầu của ông Nh về việc yêu cầu bà B phải bồi thường cho ông Nh số tiền là 60.000.000 đồng (trị giá 3.000 con cá chép giòn: 3.000 con x 20.000 đồng/01 con = 60.000.000 đồng).

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong vụ án này Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Giữa ông H và ông Nh có hợp đồng nuôi cá chép giòn với nhau, bà B không có hợp đồng gì với ông Nh, ông H đã chia cá cho ông Nh 3.000 con cá chép giòn, nhưng ông Nh không bắt cá mà bỏ đi 04 tháng mới quay lại bắt cá, dó đó cá bị thất thoát là lỗi của ông Nh, không có liên quan gì đến bà B, ông Nh

không đưa ra được chứng cứ chứng minh là bà B là người bắt cá ông Nh mang đi bán, gây thiệt hại cho quyền lợi của ông Nh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 91, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp chận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Nh về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị B phải bồi thường số tiền là 60.000.000 đồng (trị giá 3.000 con cá chép giòn: 3.000 con x 20.000 đồng/01 con = 60.000.000 đồng).

Ông Nh, ông H, bà B đều thống nhất là giữa ông Nh và ông H có hợp đồng nuôi cá chép giòn với nhau, theo hợp đồng ông H mượn ao của bà B thả cá, ông H ra tiền mua cá giống, thức ăn cho cá, ông Nh ra công trông ao cá, cho cá ăn, khi thu hoạch cá thì chia cho ông Nh 20%, trên tổng số lợi nhuận sau khi trừ đi các khoản chi phí nuôi cá. Hợp đồng bằng lời nói, không có lập thành văn bản. Sau khi chấm dứt hợp đồng ông H đã chia cho ông Nh 3.000 con cá chép giòn để mang đi. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị B là bị đơn, ông Nguyễn Thanh H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà B và ông H.

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 8 năm 2018 của nguyên đơn ông Lê Văn Nh thì giữa ông Nh với ông H có hợp đồng nuôi cá chép giòn với nhau, theo hợp đồng ông H mượn ao của bà B thả cá, ông H ra tiền mua cá giống, thức ăn cho cá, ông Nh ra công trông ao cá, cho cá ăn, khi thu hoạch cá thì chia cho ông Nh 20%, trên tổng số lợi nhuận sau khi trừ đi các khoản chi phí nuôi cá. Hợp đồng bằng lời nói, không có lập thành văn bản, sau khi kết thúc hợp đồng thì ông H chia cho ông Nh 3.000 con cá mang đi, nhưng do ông Nh không có ao nuôi cá, nên yêu cầu bà B cho thời gian 20 ngày để tìm ao thả cá, nhưng bà B không đồng ý, bà B không cho ông Nh ở lại chòi để trông cá cá, nên ông Nh phải bỏ đi, khoảng 04 tháng sau ông Nh quay lại thì cá trong ao không còn, nên ông Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà B và ông H phải bồi thường cho ông Nh số tiền là 60.000.000 đồng (trị giá 3.000 con cá chép giòn: 3.000 con x 20.000 đồng/01 con = 60.000.000 đồng). Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là Tranh chấp hợp đồng hợp tác theo Điều 504 của Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nh xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị B phải bồi thường cho ông Nh số tiền là 60.000.000 đồng (trị giá 3.000 con cá chép giòn: 3.000 con x 20.000 đồng/01 con = 60.000.000 đồng). Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn Lê Văn Nh yêu cầu bà Nguyễn Thị B phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền là 60.000.000 đồng (trị giá 3.000 con cá chép giòn: 3.000 con x 20.000 đồng/01 con = 60.000.000 đồng), vì lý do bà B không cho ông Nhg tiếp tục ở lại chòi để trông cá, nên ông Nh phải bỏ đi, việc ông Nh bỏ đi, sau khi ông Nh bỏ đi 04 tháng ông Nh quay trở lại thì nghe người ta nói bà B bắt cá trong ao mang đi bán hết rồi, nên cá trong ao không còn.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Nh trình bày là ông Nh có hợp đồng nuôi cá chép giòn với ông Nguyễn Thanh H, sau quá trình hợp đồng thì ông H và ông Nh đã chấm dứt hợp đồng. Điều đó được thể hiện là giữa ông H và ông Nh đã thỏa thuận chia 02 số lượng cá ra mỗi người bắt 3.000 con cá chép giòn, giữa ông Nh và bà B không có hợp đồng gì với nhau, ông H cũng thống nhất cho ông Nh bắt 3.000 con cá chép giòn, nhưng ông Nh không bắt cá mà bỏ đi 01 thời gian khoảng 04 tháng rồi quay lại yêu cầu bà B cho bắt cá, bà B cũng đồng ý cho ông Nh bắt cá, nhưng có nói là "Chú cứ khai ao cá ra đi còn bao nhiêu tôi với chú chia hai", nhưng ông Nh cũng không bắt cá vì cho rằng đã nghe người ta nói bà B đã bắt cá trong ao mang đi bán rồi, nên cá trong ao không còn, do đó ông Nh yêu cầu bà B phải bồi thường trị giá 3.000 con cá chép giòn là 60.000.000 đồng. Xét thấy việc ông Nh không bắt cá mang đi mà bỏ đi 01 thời gian dài (04 tháng), thời gian này không có người trông cá, cho cá ăn, nên cá bị thất thoát là lỗi của ông Nh, không phải lỗi của bà B, ông Nh cũng không có chứng cứ gì chứng minh là bà B là người bắt cá của ông Nh mang đi bán, nên cá trong ao không còn. Do đó, ông Lê Văn Nh yêu cầu bà B phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Nh số tiền là 60.000.000 đồng (trị giá 3.000 con cá chép giòn: 3.000 con x 20.000 đồng/01 con = 60.000.000 đồng) là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc ông Lê Văn Nh phải nộp số tiền là 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông Nh được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000547 ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, ông Nh phải nộp thêm số tiền là 1.500.000 đồng. Bà B không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 504 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Nh về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị B phải bồi thường cho ông Nh số tiền là 60.000.000 đồng *(Sáu mươi triệu đồng)*.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn Nh phải nộp số tiền là 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông Nh được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng *(Một triệu, năm trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000547 ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, ông Nh phải nộp thêm số tiền là 1.500.000 đồng *(Một triệu, năm trăm ngàn đồng)*. Bà B không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Ông Lê Văn Nh có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn bà Nguyễn Thị B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Hồ Mỹ Xuyên